

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HÒA  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **43/2017/DSST**  
Ngày: 14/9/ 2017.  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

## NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Toàn.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

2/ Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:*  
Ông Ngô Đức Nghiêm- Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2016, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 63/2017/QĐST-DSTC ngày 04 tháng 8 năm 2017, giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Ngô Thị L, sinh năm 1957;**

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang- Có mặt.

- *Bị đơn:*

**1. Anh Ngô Văn B, sinh năm 1977-** Vắng mặt.

**2. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1980-** Vắng mặt.

Đều địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 02 năm 2017 kèm theo giấy tờ, các tài liệu liên quan và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang, nguyên đơn (bà Ngô Thị L) trình bày như sau:*

Quan hệ giữa bà và vợ chồng anh Ngô Văn B, chị Hoàng Thị T đều có địa chỉ: thôn G, xã M, H, Bắc Giang là quan hệ hàng xóm, láng giềng. Ngày

28/7/2016 (tức ngày 25/6/2016 âm lịch), anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T có đến nhà bà hỏi vay nóng số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận, lý do vay để mua gỗ, đáo hạn ngân hàng và hứa trả ngay sau khi bà đòi tiền. Tuy nhiên từ đó đến nay bà đã đến nhà anh B, chị T để đòi tiền nhưng anh B, chị T hứa hẹn nhiều lần không trả cho bà. Vì vậy bà làm đơn khởi kiện đối với anh B, chị T tại Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết để buộc anh B và chị T phải trả cho bà số tiền gốc vay còn nợ là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn (anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã nhiều lần trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng anh B, chị T vắng mặt. Qua xác minh địa phương cung cấp: anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T đều có hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã M, huyện H, Bắc Giang. Địa phương chỉ biết anh B, chị T đi làm công nhân ở Sam Sung chỉ thỉnh thoảng về qua nhà nhưng toàn về vào buổi tối sau đó lại đi luôn nên không thường xuyên có mặt tại địa phương, còn cụ thể làm ở bộ phận nào tại Sam Sung, địa chỉ cụ thể địa phương không biết.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

### [2]. Về nội dung tranh chấp:

Bà Ngô Thị L, anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền theo hợp đồng vay đề ngày 25/6/2016 (âm lịch), xác nhận là hợp đồng hợp pháp đ- ọc pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà L yêu cầu anh B, chị T phải trả 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc còn nợ, thấy rằng: phía anh B, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vì vậy xác định anh B và chị T biết việc bà L có đơn khởi kiện đối với anh B, chị T. Việc anh B, chị T không đến Tòa án làm việc, trình bày về hợp đồng vay tiền mà hai bên đã ký kết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là tự tước bỏ đi quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định cho anh B và chị T có quyền thực hiện, vì vậy hậu quả của việc anh B, chị T không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình anh B và

chị T phải gánh chịu. Mặt khác, anh B, chị T không thông báo cho bà L biết địa chỉ cụ thể của nơi làm việc hiện nay là vi phạm nghĩa vụ thông báo địa chỉ nơi cư trú và làm việc quy định tại Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa bà L xác định sau khi hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng vay tài sản bà L đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giao đầy đủ cho anh B, chị T số tiền 250.000.000đ (Hai trăm lăm mươi triệu đồng) và anh B, chị T đã nhận đủ số tiền này. Đến hạn trả nợ anh B, chị T không thanh toán trả bà L toàn bộ số tiền đã vay nên bà L có đơn khởi kiện anh B, chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T còn nợ của bà Ngô Thị L 250.000.000đ (Hai trăm lăm mươi triệu đồng) tiền gốc theo hợp đồng vay giữa hai bên ký kết ngày 25/6/2016 (âm lịch). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L là có căn cứ, cần buộc anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả bà Ngô Thị L số tiền gốc còn nợ là 250.000.000đ (Hai trăm lăm mươi triệu đồng).

Xét yêu cầu của bà Ngô Thị L yêu cầu anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T phải thanh toán cho bà L số tiền lãi phát sinh từ khi anh B, chị T vay là ngày 25/6/2016 (âm lịch) tức ngày 28/7/2016 anh B, chị T chưa thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này giữa bà L và anh B, chị T không thỏa thuận lãi và ngày trả nợ trong hợp đồng nhưng bà L xác định có thỏa thuận miệng về lãi suất và ngày trả nợ nhưng không ghi vào hợp đồng, vì vậy xác định là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất. Ngày trả nợ của hợp đồng không xác định được cụ thể nên không thể xác định được ngày nào là ngày tính lãi trong hợp đồng và ngày nào xác định là ngày tính lãi quá hạn. Do đó cần tính lãi suất trong hạn để buộc anh B, chị T thanh toán trả cho bà L là phù hợp. Hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa bà L và vợ chồng anh B, chị T ở thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, vì vậy cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp trong vụ án. Do đó, lãi suất trong thời hạn vay của hợp đồng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm (từ 28/7/2016 đến 14/9/2017) anh B, chị T không thanh toán trả cho bà L tiền gốc và lãi, đã vi phạm vào thỏa thuận về thời hạn trả nợ, vì vậy anh B và chị T phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời hạn trả nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm (tức 0,75%/tháng). Vì vậy cần tính mức lãi suất là 0,75%/tháng để buộc anh B, chị T phải thanh toán lãi trả bà L đối với số tiền anh B, chị T chậm trả.

Như vậy, lãi của hợp đồng vay 250.000.000đ được xác định như sau: Từ ngày 28/7/2016 đến ngày 14/9/2017 là 13 tháng 17 ngày, số tiền lãi là  $\{(250.000.000đ \times 0,75\% \times 13 \text{ tháng} = 24.375.000đ) + (250.000.000đ \times 0,755\% \times 17 \text{ ngày} : 30 = 1.062.500đ)\} = 25.437.500đ$  (Hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Vì vậy, yêu cầu của bà Ngô Thị L yêu cầu anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T phải thanh toán lãi của số tiền gốc còn nợ theo quy định của pháp luật đ- ọc chấp nhận, cần buộc anh B, chị T phải thanh toán tổng số lãi trên số tiền gốc còn nợ của hợp đồng vay là **25.437.500đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng)**, cần buộc anh B, chị T phải thanh toán trả cho bà L.

Quan hệ giữa anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T là quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình thì anh B và chị T phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán nợ gốc và lãi cho bà Ngô Thị L của hợp đồng vay tài sản nêu trên, cụ thể gốc là **250.000.000đ (Hai trăm lăm mươi triệu đồng)**, lãi là **25.437.500đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng)**. Tổng gốc và lãi là: **275. 437.500đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng)**.

[3]. Về án phí: yêu cầu của bà Ngô Thị L đ- ọc chấp nhận, vì vậy anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Ngô Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của ng- ời tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định, đối với bị đơn không chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478, Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 288, Điều 688, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 131; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L;

Buộc anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả bà Ngô Thị L số tiền nợ gốc là 250.000.000đ (Hai trăm lăm mươi triệu đồng), lãi là 25.437.500đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Tổng cả gốc và lãi là: **275. 437.500đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng)**.

Về án phí: Anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T phải liên đới chịu 13.771.800đ (Mười ba triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Ngô Thị L số tiền 6.250.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

**Vì các lẽ trên**

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478, Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 288, Điều 688, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 131; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L;

Buộc anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả bà Ngô Thị L số tiền nợ gốc là 250.000.000đ (Hai trăm lăm triệu đồng), lãi là 25.437.500đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Tổng cả gốc và lãi là: **275. 437.500đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).**

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Ngô Văn B và chị Hoàng Thị T phải liên đới chịu 13.771.800đ (Mười ba triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Ngô Thị L số tiền 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001534 ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng- ời đ- ọc thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm, t- ơng ứng với thời gian ch- a thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đ- ơng sự có mặt biết đ- ọc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đ- ơng sự vắng mặt đ- ọc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày đ- ọc tổng đạt bản án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục thi hành án;
- L- u.

**T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa***

**Nguyễn Xuân Toàn**

